

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2023

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Nguyễn Xuân Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Bích Tâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Ngõ 350 N, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Văn T2, sinh năm: 1989. Địa chỉ: 12 H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Phùng Văn T2 kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 11 H, phường K, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng đăng ký kết hôn và chung sống với nhau nhưng chưa tổ chức đám cưới, bà T1 và ông T2 chung sống đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông T2 không có

chính kiến nghe lời bạn bè yêu cầu bà T1 nghỉ làm spa, ông T2 không lo làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay bà T1 không còn tình cảm gì với ông T2 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Văn T2.

- **Về con chung:** Bà T1 xác định bà và ông T2 không có con chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà T1 xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ.

* Bị đơn ông Phùng Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phùng Văn T2 vắng mặt không có lý do và không có bản khai.

Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân bà Nguyễn Thị T1, bản sao sổ hộ khẩu và biên bản xác minh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Phùng Văn T2 vắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Phùng Văn T2.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T1 được ly hôn đối với ông Phùng Văn T2.

Về con chung: Bà T1 xác định bà và ông T2 không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Phùng Văn T2 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị T1 và ông Phùng Văn T2 để tham gia tố tụng, ông Phùng Văn T2 vắng mặt và không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phùng Văn T2.

[2] Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Phùng Văn T2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 113/2018, ngày 20/6/2018, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, hôn nhân giữa hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị T1 cho rằng vợ chồng đăng ký kết hôn, chung sống với nhau nhưng chưa tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống đến tháng 10/2018 thì đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau và không có trách nhiệm gì với nhau. Tại biên bản xác minh do tổ trưởng tổ 58 phường K, quận Cẩm Lệ cung cấp thì năm 2018 bà T1 và ông T2 có chung sống tại 11 H, phường K, quận Cẩm Lệ, trong thời gian chung sống, bà T1 ông T2 có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể mâu thuẫn gì thì địa phương không rõ. Tại biên bản xác minh do tổ trưởng tổ 52, phường H, quận Hải Châu cung cấp ông T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 12 H, phường H, quận Hải Châu, chỉ mình ông T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú, không có vợ sống cùng, ông T2 không thường xuyên có mặt tại địa chỉ trên, có đi đi về về. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T2 đến hòa giải nhưng ông T2 không có mặt tại Tòa án, thể hiện ông T2 bỏ mặc mâu thuẫn và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T1 và ông Phùng Văn T2 thực tế đã có mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Phùng Văn T2 là phù hợp.

* *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T1 xác định bà và ông Phùng Văn T2 không có con chung nên Tòa án không xét.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không nợ ai, không ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3]Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T1 đã nộp tại biên lai thu số 0006802 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Phùng Văn T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho bà Nguyễn Thị T1 được ly hôn đối với ông Phùng Văn T2.

2. Về con chung: Không có nên không xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T1 đã nộp tại biên lai thu số 0006802 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường H (giấy chứng nhận kết hôn số 113, ngày 20/6/2018);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo